

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HALOLIFE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HALOLIFE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HALOLIFE IMPORT EXPORT SERVICES TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HALOLIFE CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109184267

3. Ngày thành lập: 14/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8 ngõ 93/20/3 Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982 030 843

Fax:

Email: lechidung.mkt@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
2.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
3.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
4.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
5.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
6.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
8.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
9.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4513
10.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4530
12.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4541
13.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
14.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4543
15.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4610

16.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
17.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
18.	Bán buôn thực phẩm	4632
19.	Bán buôn đồ uống	4633
20.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
21.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
23.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
24.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
27.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)	4662
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
30.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
31.	Bán buôn tổng hợp	4690
32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
38.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
39.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
40.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
41.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
42.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
43.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
44.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
45.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

46.	Bán lẻ bằng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại nhà nước cấm)	4762
47.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
48.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại nhà nước cấm)	4764
49.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
50.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
51.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
52.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4774
53.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ	4781
54.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
55.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
56.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
57.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
58.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
59.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4791
60.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4799
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
62.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
63.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
64.	Bốc xếp hàng hóa	5224
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	8299(Chính)
67.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
68.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
69.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521

70.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
71.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ CHÍ DŨNG	Thôn Văn Lô, Xã Tam Đồng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.850.000.000	95,000	001094014120	
2	LÊ VĂN PHƯỚC	Thôn Văn Lô, Xã Tam Đồng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	150.000.000	5,000	001099005376	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ CHÍ DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 01/09/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001094014120

Ngày cấp: 03/08/2017

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Văn Lô, Xã Tam Đồng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Văn Lô, Xã Tam Đồng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội